

Số: 94/TB -TCL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc phụ thu tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch

Công ty CP ĐL GNVT Xếp Dỡ Tân Cảng (gọi tắt “Tân Cảng Logistics”) xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ và hợp tác của Quý khách hàng trong suốt thời gian qua.

Do tình hình xung đột chính trị Trung Đông đang diễn biến phức tạp, nguồn cung dầu mỏ trên thị trường thế giới bị ảnh hưởng nghiêm trọng, dẫn đến tình trạng thiếu hụt và giá nhiên liệu tăng mạnh. Để đảm bảo hoạt động ổn định cũng như duy trì chất lượng dịch vụ để không làm gián đoạn chuỗi cung ứng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Quý Doanh nghiệp, ngoài các Biểu giá đã ban hành, chúng tôi sẽ **phụ thu tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch (chưa bao gồm thuế GTGT) theo biến động của giá nhiên liệu**, như sau:

1. Đối với container rỗng

Dvt: VNĐ/container

TT	Giá dầu DO 0.05S-II Vùng 1 (từ --- đồng/lít đến --- đồng/lít)	PHỤ THU NÂNG HẠ (bãi – xe/sà lan)	
		20'	40/45'
1	Từ 20,000 đến 23,000	29,100	48,700
2	Từ 23,001 đến 26,000	52,600	87,800
3	Từ 26,001 đến 29,000	76,000	126,900
4	Từ 29,001 đến 32,000	99,400	166,000
5	Từ 32,001 đến 35,000	122,800	205,100
6	Từ 35,001 đến 38,000	146,200	244,200
7	Từ 38,001 đến 41,000	169,600	283,400
8	Từ 41,001 đến 44,000	193,000	322,500
9	Từ 44,001 đến 47,000	216,400	361,600
10	Từ 47,001 đến 50,000	239,800	400,700

2. Đối với container hàng thông thường

Dvt: VNĐ/container

TT	Giá dầu DO 0.05S-II Vùng 1 (từ --- đồng/lít đến --- đồng/lít)	PHỤ THU NÂNG HẠ (bãi – xe/sà lan)	
		20'	40/45'
1	Từ 20,000 đến 23,000	37,600	58,100
2	Từ 23,001 đến 26,000	67,800	104,900
3	Từ 26,001 đến 29,000	98,000	151,600
4	Từ 29,001 đến 32,000	128,200	198,300
5	Từ 32,001 đến 35,000	158,400	245,000
6	Từ 35,001 đến 38,000	188,600	291,800
7	Từ 38,001 đến 41,000	218,800	338,500
8	Từ 41,001 đến 44,000	249,000	385,200
9	Từ 44,001 đến 47,000	279,200	431,900
10	Từ 47,001 đến 50,000	309,400	478,600

3. Đối với container hàng IMDG

Dvt: vnd/container

TT	Giá dầu DO 0.05S-II Vùng 1 (từ --- đồng/lít đến --- đồng/lít)	PHỤ THU NÂNG HẠ (bãi – xe/sà lan)	
		20'	40/45'
1	Từ 20,000 đến 23,000	83,100	126,700
2	Từ 23,001 đến 26,000	150,000	228,600
3	Từ 26,001 đến 29,000	216,800	330,400
4	Từ 29,001 đến 32,000	283,700	432,300
5	Từ 32,001 đến 35,000	350,500	534,100
6	Từ 35,001 đến 38,000	417,300	636,000
7	Từ 38,001 đến 41,000	484,200	737,800
8	Từ 41,001 đến 44,000	551,000	839,700
9	Từ 44,001 đến 47,000	617,800	941,600
10	Từ 47,001 đến 50,000	684,700	1,043,400

4. Đối với dịch vụ đóng hàng gạo từ sà lan – container

Dvt: vnd/container

TT	Giá dầu DO 0.05S-II Vùng 1 (từ --- đồng/lít đến --- đồng/lít)	Bao 50kg	Bao 25kg
1	Từ 20,000 đến 23,000	43,600	44,700
2	Từ 23,001 đến 26,000	78,700	80,700
3	Từ 26,001 đến 29,000	113,800	116,700
4	Từ 29,001 đến 32,000	148,800	152,700
5	Từ 32,001 đến 35,000	183,900	188,600
6	Từ 35,001 đến 38,000	219,000	224,600
7	Từ 38,001 đến 41,000	254,100	260,600
8	Từ 41,001 đến 44,000	289,100	296,600
9	Từ 44,001 đến 47,000	324,200	332,600
10	Từ 47,001 đến 50,000	359,300	368,500

Thông báo này được áp dụng kể từ 00 giờ ngày **10/03/2026** và **được điều chỉnh tại thời điểm** giá nhiên liệu công bố trên website **petrolimex.com.vn**.

Chúng tôi hy vọng tiếp tục nhận được sự thông cảm, hợp tác và đồng hành của Quý Doanh Nghiệp để cùng nhau vượt qua giai đoạn khó khăn chung này.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Các Hãng tàu, Khách hàng;
- Lưu: VT, KHKD, Th03.

KT. GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

NGÔ NGỌC KHÁNH
Phó Giám đốc